FireAnt

CTCP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (UPCOM: MVC)

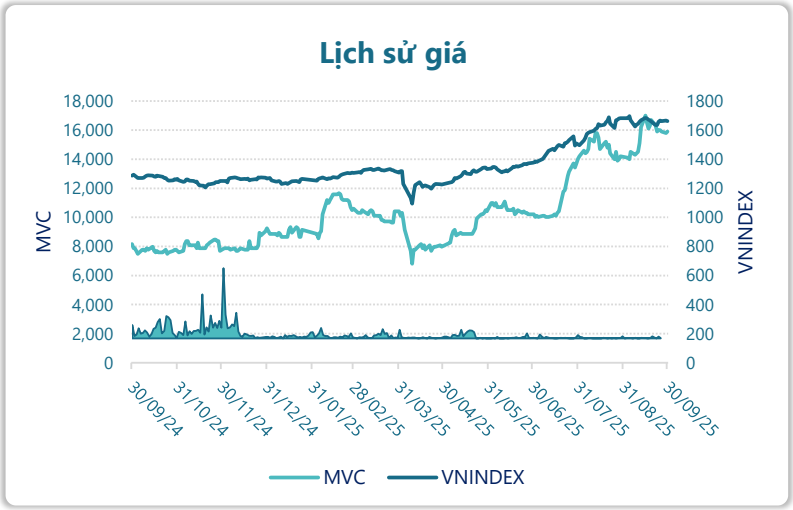

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,810
SL cổ phiếu LH	100,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	163,710
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,590
P/E	12.3
EPS	1,288

DT thuần

Q3/25

192

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.0| 5.7%

YoY: ▲ 50.0| 35.4%

LN sau thuế

Q3/25

35.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.8| -23.3%

YoY: ▲ 12.5| 54.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

22.6%

+/- YoY: ▲ 1.3%

DT thuần

9T 2025

525

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 112| 27.0%

LN sau thuế

9T 2025

104

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 43.4| 71.8%

ROE

Q3/25

10.4%

+/- YoY: ▲ 3.4%

Kết quả kinh doanh

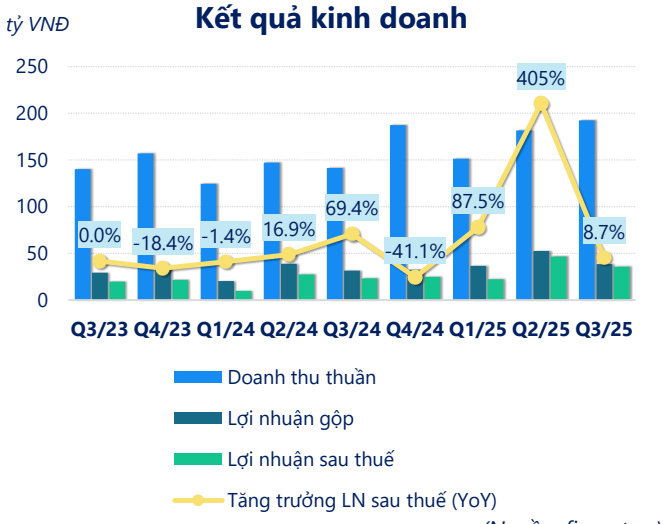

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

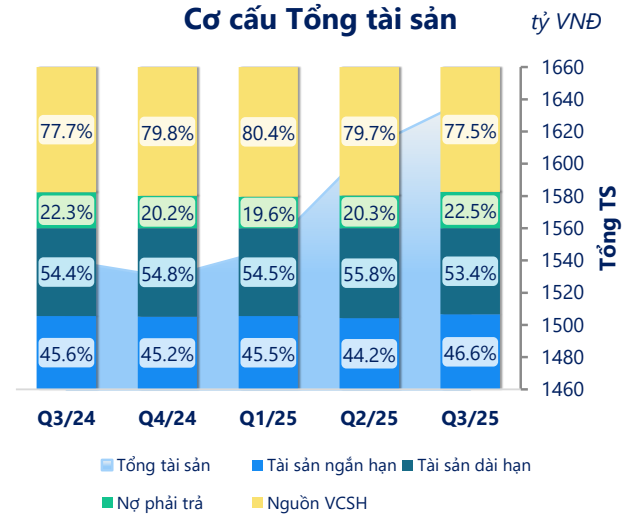

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

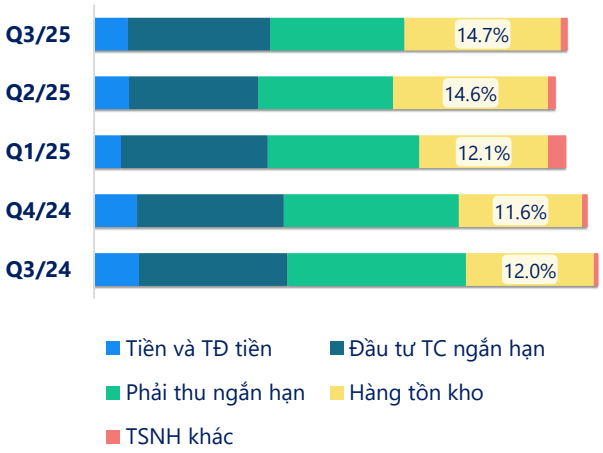

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

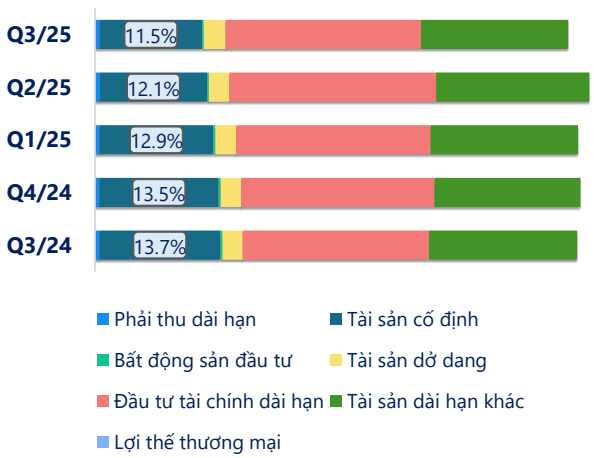

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

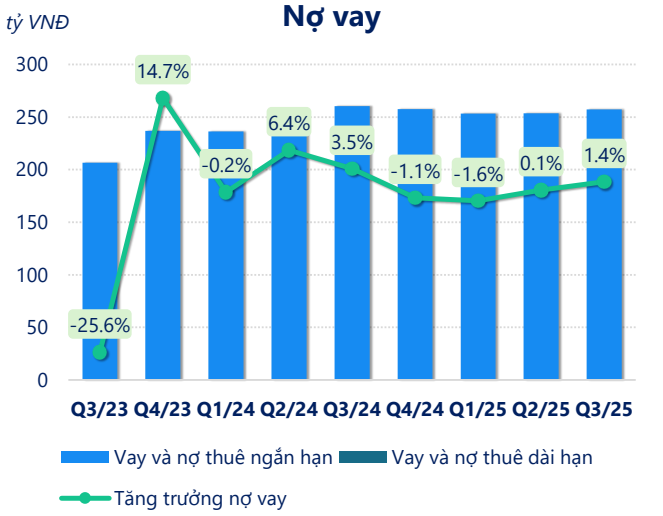

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

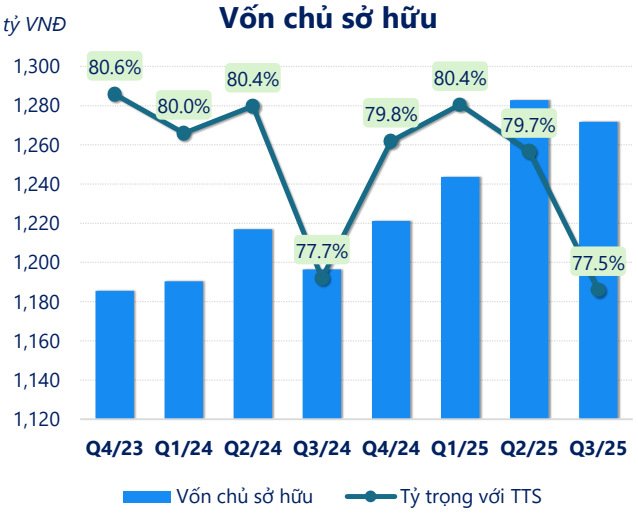

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

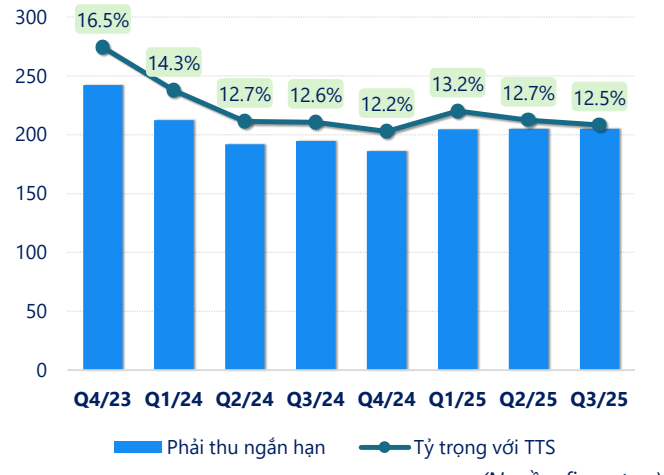

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

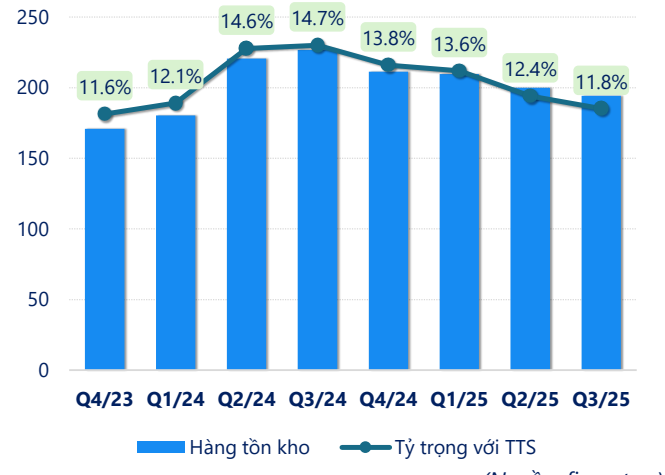

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

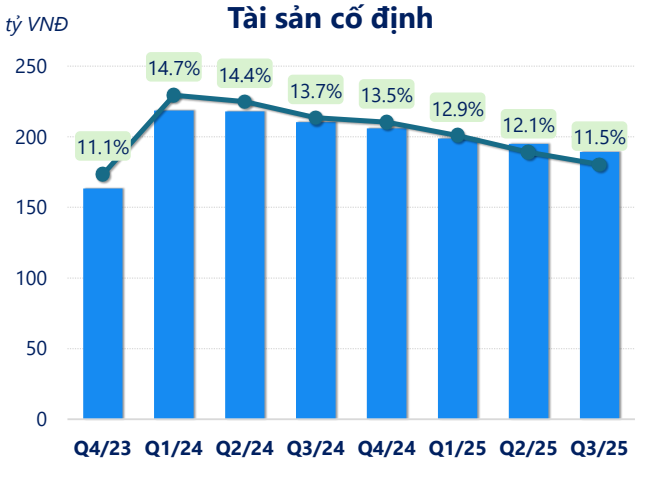

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

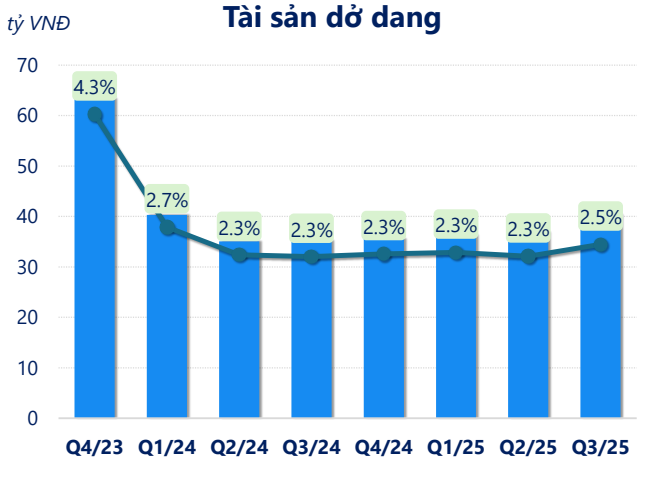

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

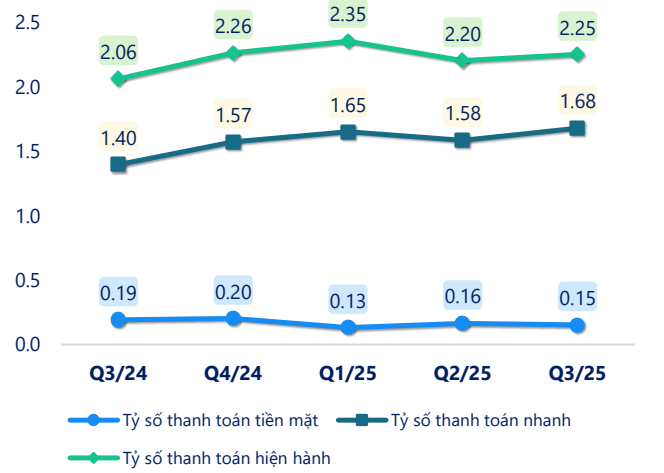

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

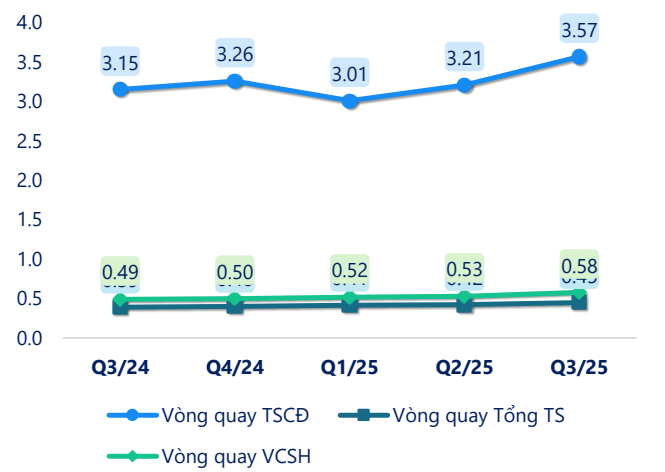

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,540**	**1,530**	**1,547**	**1,610**	**1,641**
Tài sản ngắn hạn	**702**	**691**	**704**	**712**	**765**
Tiền và tương đương tiền	64.9	61.8	39.3	53.0	52.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	206	222	238	243	304
Phải thu ngắn hạn	195	186	204	205	205
Hàng tồn kho	227	211	210	200	194
Tài sản ngắn hạn khác	10.0	10.1	12.7	10.5	8.77
Tài sản dài hạn	**838**	**838**	**843**	**898**	**876**
Phải thu dài hạn	7.49	7.49	7.82	8.80	8.80
Tài sản cố định	210	206	199	195	189
Bất động sản đầu tư	3.74	3.61	3.47	3.34	3.21
Tài sản dở dang	35.2	35.6	36.3	36.9	40.4
Đầu tư tài chính dài hạn	324	333	339	376	362
Tài sản dài hạn khác	257	252	257	278	272
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**343**	**308**	**303**	**327**	**369**
Nợ ngắn hạn	**340**	**305**	**299**	**323**	**340**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	260	257	253	254	257
Phải trả người bán ngắn hạn	13.3	16.3	21.0	11.9	14.9
Nợ dài hạn	2.93	3.05	4.15	4.35	29.2
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,196**	**1,221**	**1,244**	**1,283**	**1,272**
Vốn chủ sở hữu	**1,196**	**1,221**	**1,244**	**1,283**	**1,272**
Vốn điều lệ	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)